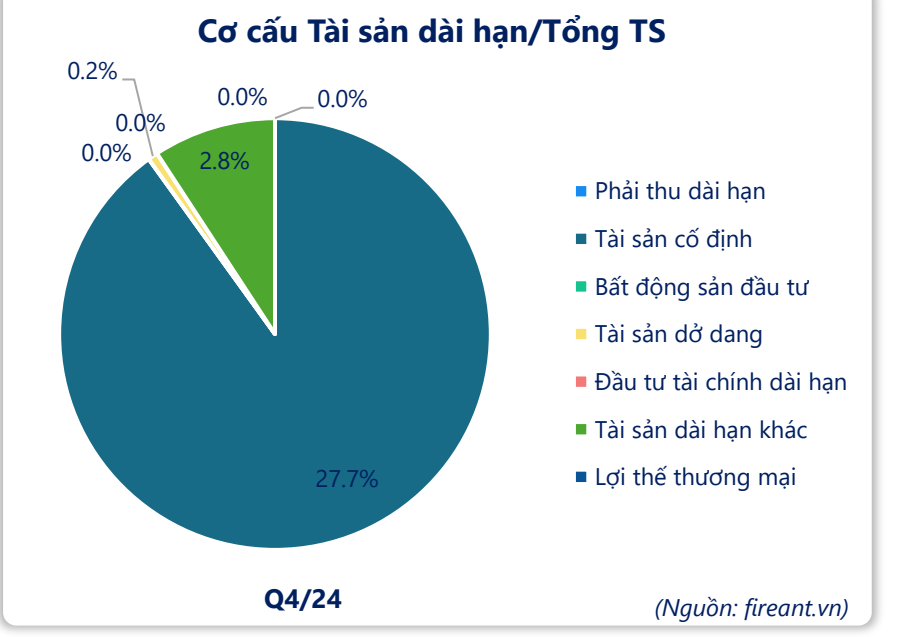
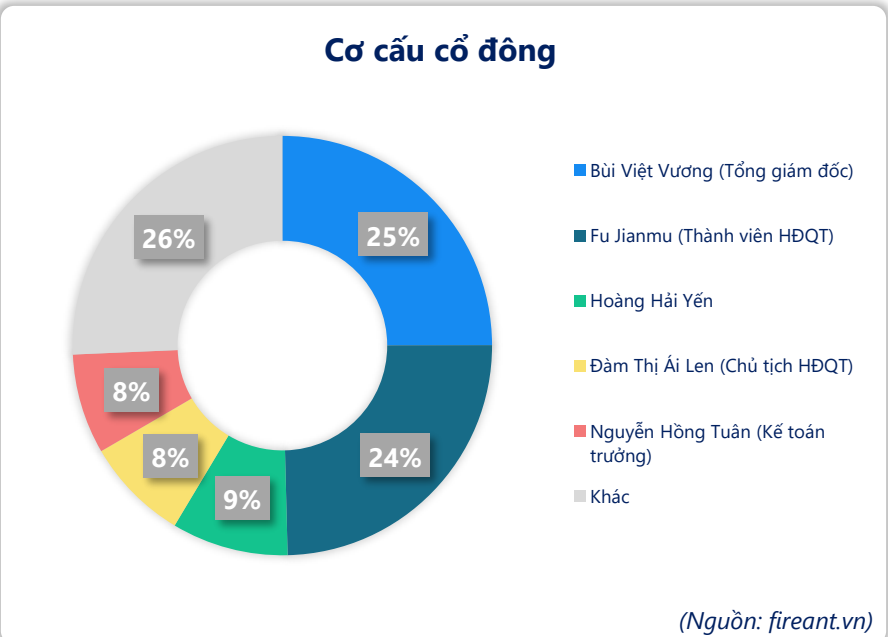
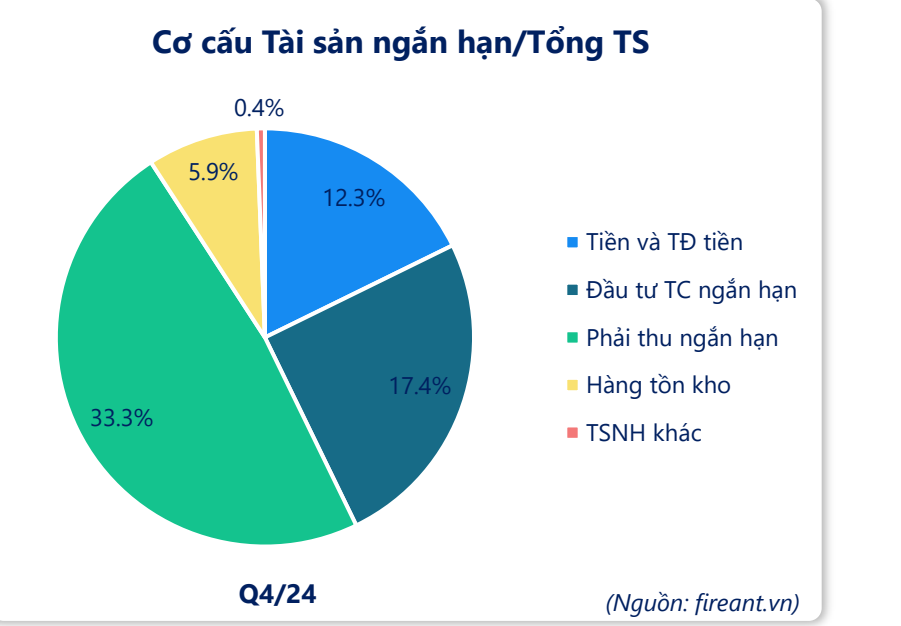
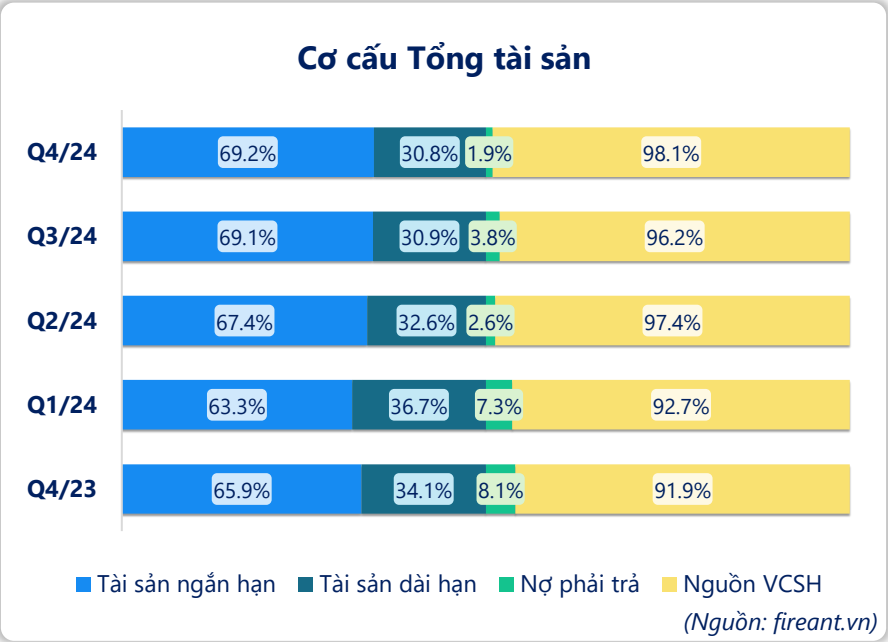
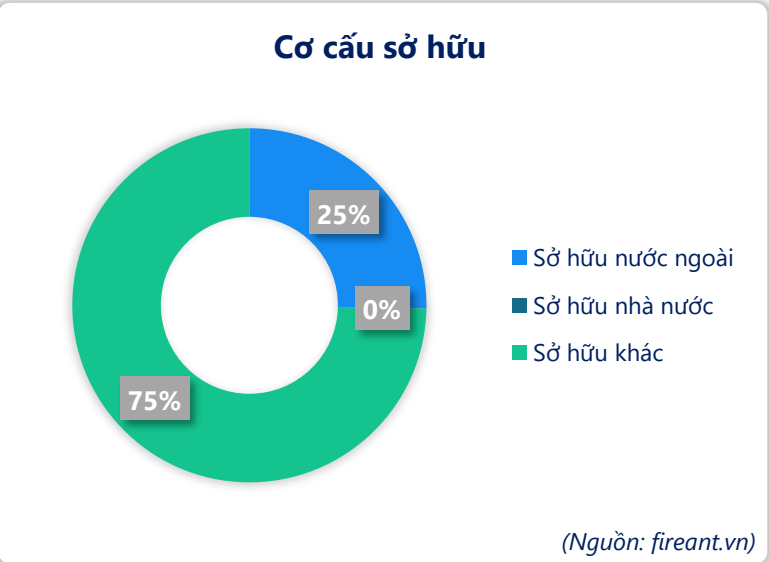
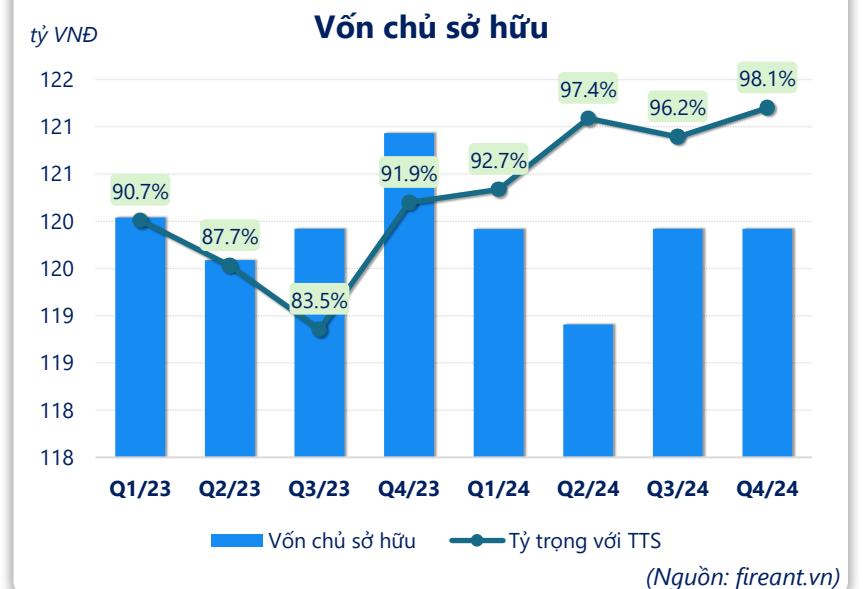
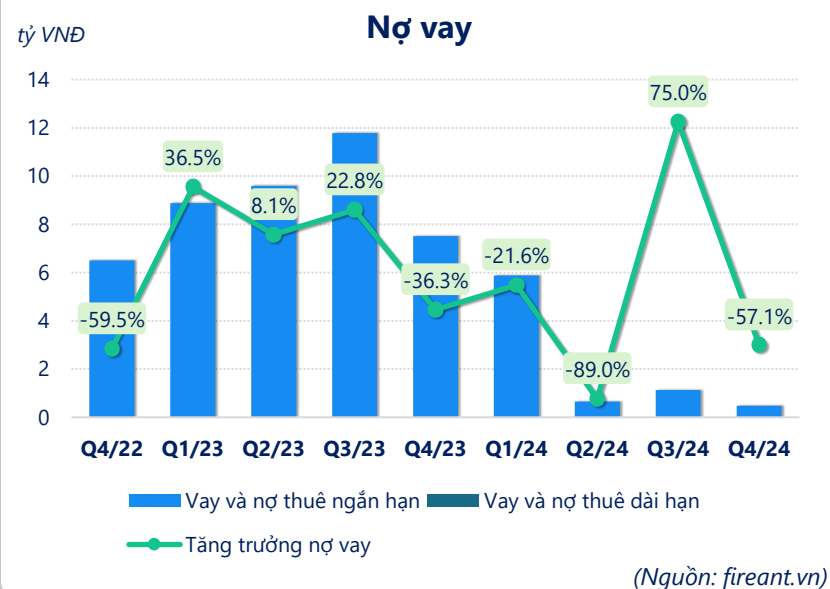
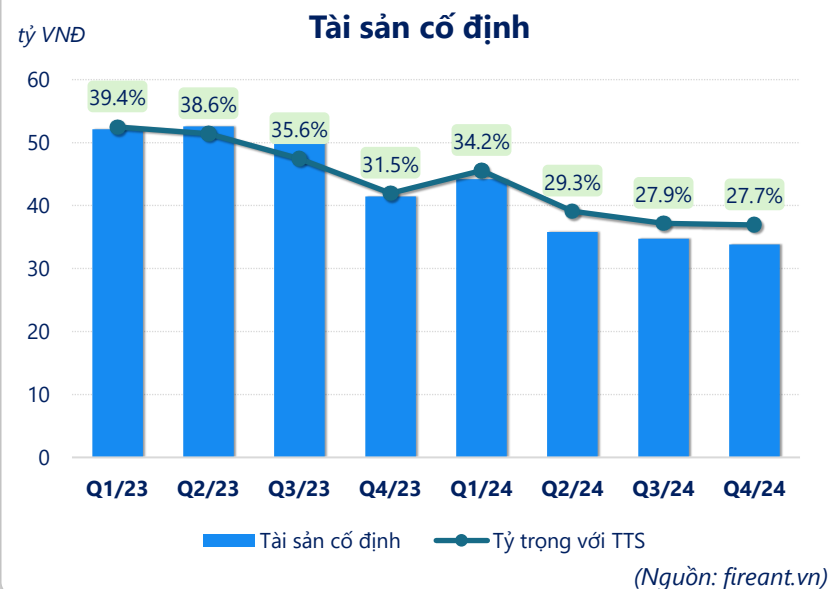
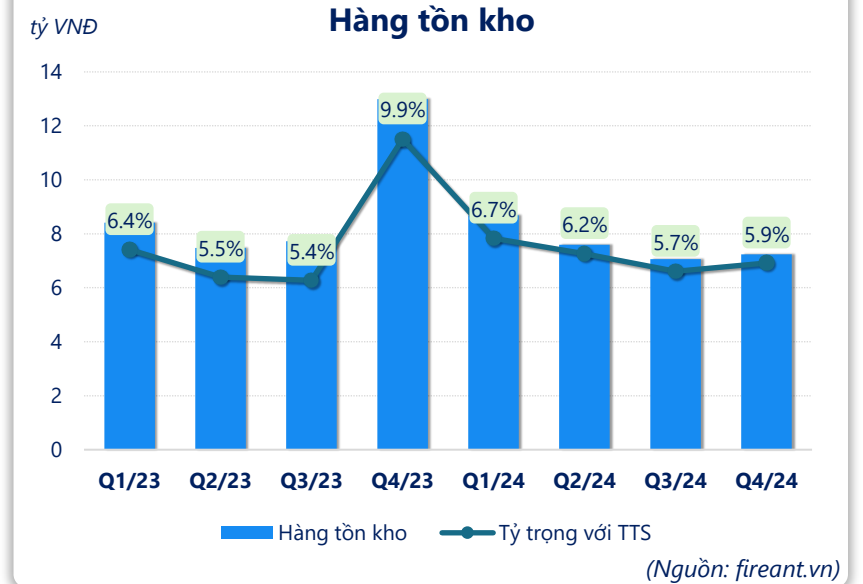
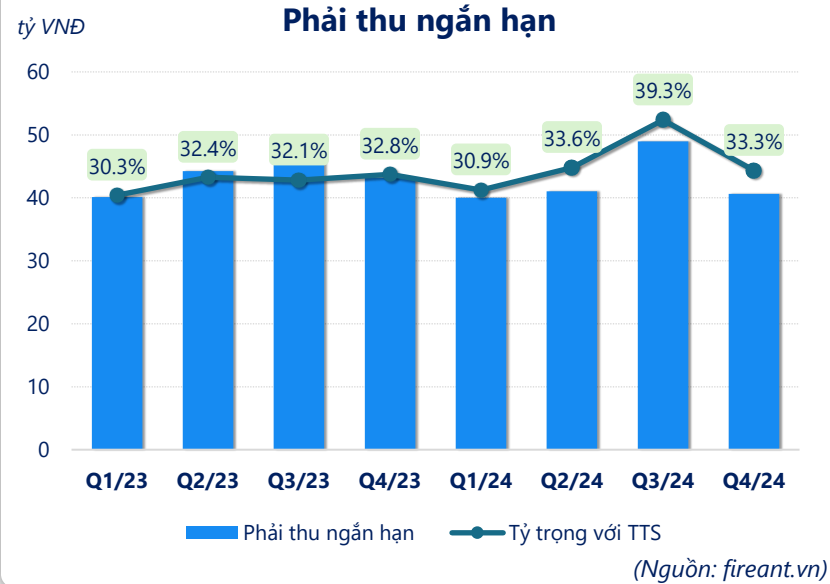
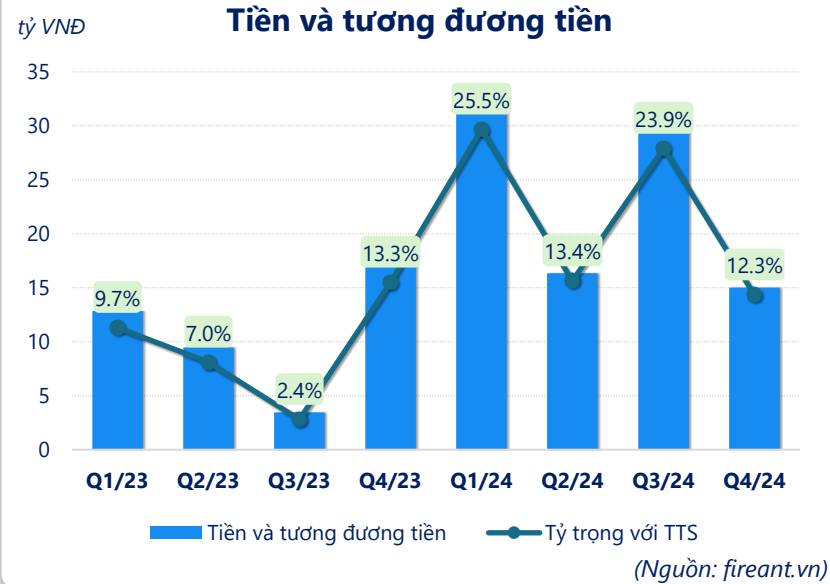
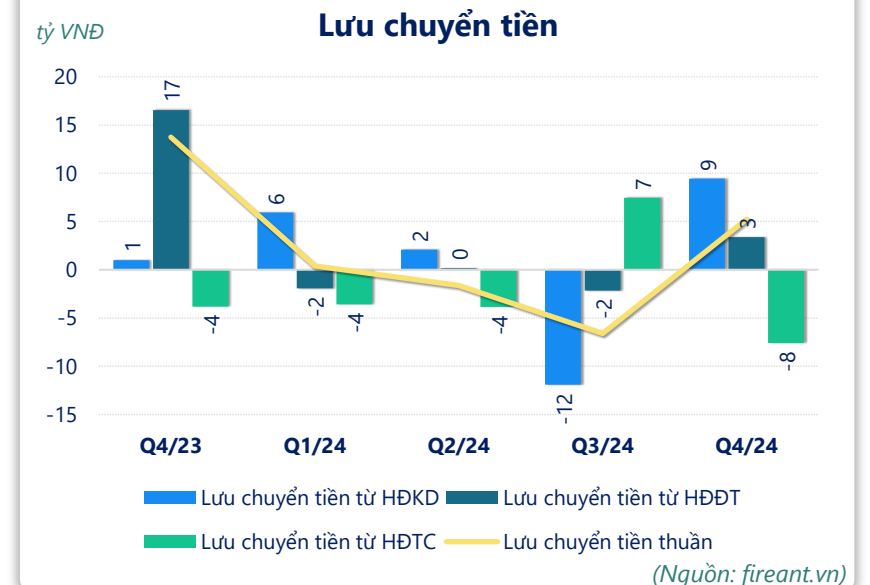
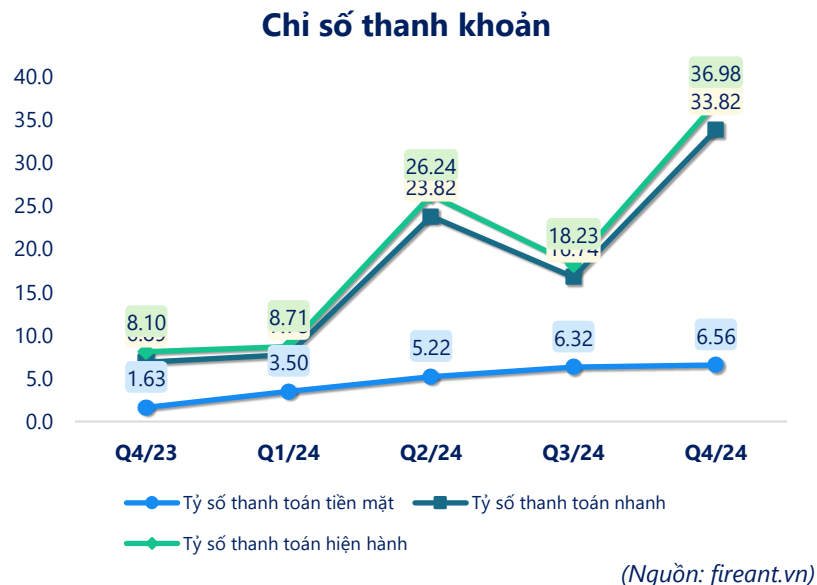
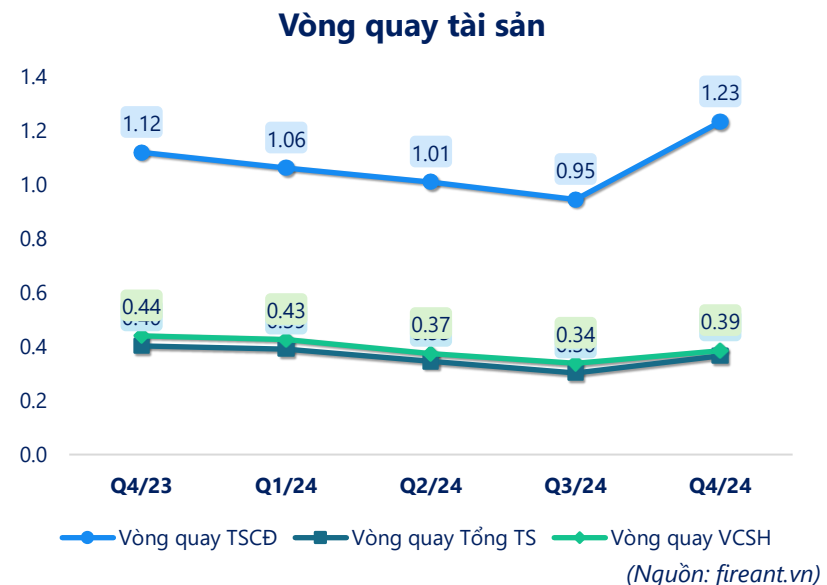
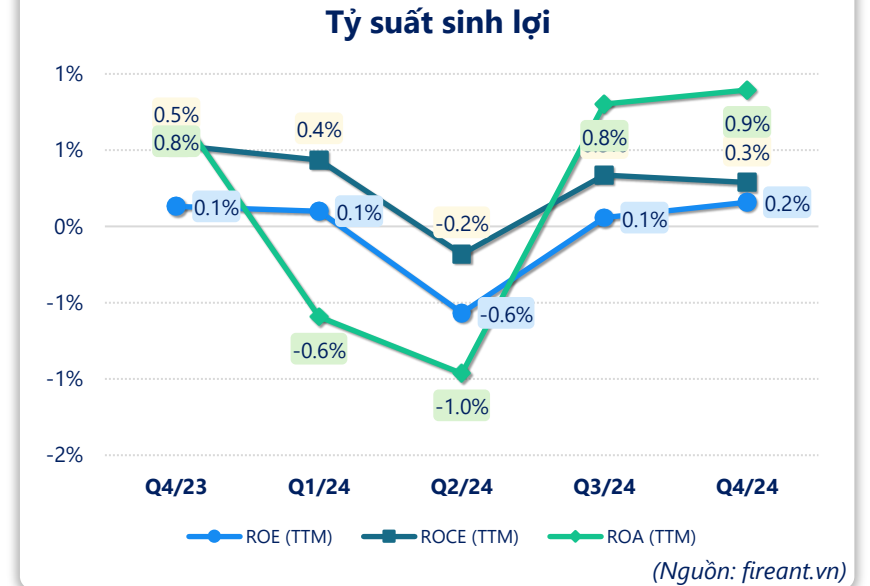
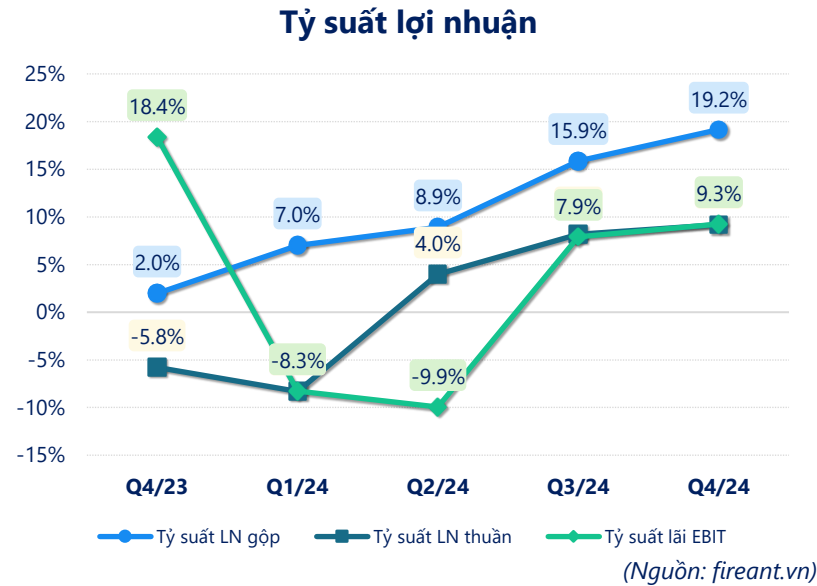
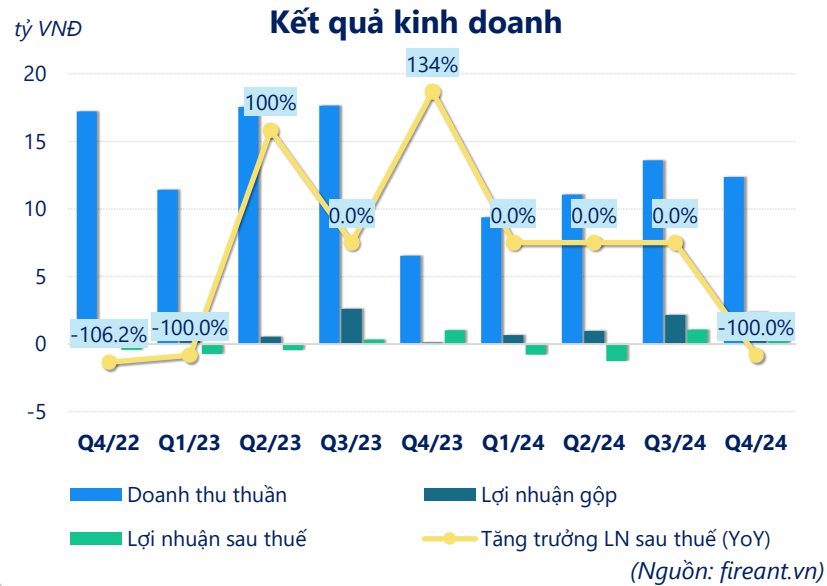


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		4,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		6,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,200
SL cổ phiếu LH		12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,285
% sở hữu nước ngoài		25.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		56
P/E		295.5
EPS		16

	YTD	1T	3T	6T
KSD		-6.0%	0.0%	23.7%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	122	132	-7.4%
Tài sản ngắn hạn	84.6	81.2	4.2%
Tiền và tương đương tiền	15.0	17.5	-14.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.2	13.0	63.1%
Phải thu ngắn hạn	40.6	43.5	-6.5%
Hàng tồn kho	7.24	7.24	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.52	0.03	1479%
Tài sản dài hạn	37.6	50.7	-25.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	33.8	41.4	-18.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.28	5.81	-95.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.46	3.49	-1.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2.29	11.0	-79.3%
Nợ ngắn hạn	2.29	11.0	-79.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.49	7.88	-93.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.24	0.39	-38.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	120	121	-0.8%
Vốn chủ sở hữu	120	121	-0.8%
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	6.54	9.37	11.1	13.6	12.4
Giá vốn hàng bán	6.41	8.72	10.1	11.4	9.99
Lợi nhuận gộp	0.13	0.66	0.98	2.16	2.37
Doanh thu HĐTC	0.74	0.23	0.82	0.09	0.95
Chi phí TC	0.13	0.33	0.03	0.01	0.01
Chi phí lãi vay	0.13	0	0.11	0	0.01
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.07	0.07	0.20	0.26	0.19
Chi phí QLDN	1.04	1.27	1.13	0.86	1.98
LN thuần từ HĐKD	-0.38	-0.78	0.44	1.11	1.14
Lợi nhuận khác	1.45	0.00	-1.65	-0.03	0.00
LN trước thuế	1.07	-0.78	-1.21	1.08	1.13
Lợi nhuận sau thuế	1.01	-0.78	-1.25	1.08	1.13
LNST của CĐ cty mẹ	1.01	-0.78	-1.25	1.08	1.13

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.98	5.92	2.07	-11.9	9.44
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	16.6	-1.92	0.16	-2.15	3.39
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.81	-3.60	-3.86	7.45	-7.61
Tiền đầu kỳ	3.45	17.5	17.9	16.4	9.68
Lưu chuyển tiền thuần	13.7	0.41	-1.63	-6.60	5.23
Ảnh hưởng tỷ giá	0.32	0	0.07	-0.07	0.11
Tiền cuối kỳ	17.5	17.9	16.4	9.68	15.0

(Nguồn: fireant.vn)